

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số : 254/2018/DS-PT
Ngày 16/10/2018
V/v “Tranh chấp ranh giới QSDĐ
và lối đi”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy.

Các Thẩm phán: Ông Trần Phước Hội
Ông Đinh Chí Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hiếu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Phạm Thanh Hương - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 19/7, 16/8, 13/9, 08/10 và 16/10/2018 tại Trụ sở tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2018/TLPT- DS ngày 25 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp quyền sử dụng đất và lối đi”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 36/2017/ DS – ST ngày 11 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện L bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 131A/2018/QĐ – PT ngày 24 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị Ngọc C- *Sinh năm:* 1966.
Địa chỉ: 156/2 ấp H, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Nguyễn Thị N - *Sinh năm:* 1950.
Địa chỉ: 157/2 ấp H, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
Nguyễn Văn V - *Sinh năm:* 1960;
Địa chỉ: 194/3 ấp N, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyễn Văn L - *Sinh năm:* 1970;
Địa chỉ: 488A/5 ấp H, xã V, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyễn Tấn Đ - *Sinh năm*: 1974;
Địa chỉ: Tổ 4, ấp P, xã A, huyện T, tỉnh An Giang.
Nguyễn Thị H - *Sinh năm*: 1960.
Địa chỉ: 529/3 ấp Đ, xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.
Nguyễn Ngọc Q - *Sinh năm*: 1963;
Địa chỉ: 160 Khóm 1, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.
Nguyễn Thị Huỳnh H - *Sinh năm*: 1968.
Địa chỉ: 104/4 ấp H, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.
Nguyễn Thị T - *Sinh năm*: 1976;
Địa chỉ: 156/3 ấp H, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.
Nguyễn Thị L - *Sinh năm*: 1978.
Địa chỉ: 800/5 ấp H, xã V, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.
Nguyễn Thị Cà T1 - *Sinh năm*: 1978;
Nguyễn Thị Huyền T2 - *Sinh năm*: 1990;
Nguyễn Văn T3 - *Sinh năm*: 1969.
Cùng địa chỉ: 156/2 ấp H, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.
Nguyễn Văn H - *Sinh năm*: 1976;
Nguyễn Văn L - *Sinh năm*: 1984;
Nguyễn Văn M - *Sinh năm*: 1986;
Nguyễn Văn Đ - *Sinh năm*: 1979;
Trần Anh H2 - *Sinh năm*: 1979.
Cùng địa chỉ: 157/2 ấp H, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.
Nguyễn Thị Bé H3 - *Sinh năm*: 1971.
Địa chỉ: 224C/1 ấp T, xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyễn Thị G - *Sinh năm*: 1987.
Địa chỉ: 47/267 Q, Phường 10, quận G, Thành phố H.
Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp.
Địa chỉ: Quốc lộ 80, Khóm 1, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người kháng cáo bà Nguyễn Thị Ngọc C là nguyên đơn của vụ án.

(Bà C, bà N, anh H, anh L, chị Huyền T2, anh T3 có mặt; UBND thị xã Hồng Ngự có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 11/4/2013 (Bổ sung ngày 06/5/2013, ngày 31/5/2017); Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Thị Ngọc C trình bày: Bà Nguyễn Thị N là người có đất giáp ranh phía sau với đất của bà và có mượn bà một phần diện tích đất để làm lối đi là 64m² nhưng trong quá trình sử dụng thì bà N đã lấn chiếm 16,5 m² đất của bà. Do đó nay bà yêu cầu hộ bà Nguyễn Thị N phải trả lại lối đi 64m² (Trong phạm vi các mốc M1; M2; M11; M10; M9

trở về M1) và diện tích đất lấn chiếm là 16,5 m² (Trong phạm vi các mốc M11; M5; M6; M10 trở về M11) theo sơ đồ tranh chấp đất của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện L, tỉnh Đồng Tháp số: 31/TĐBĐ, đo vẽ ngày 06/4/2016 thuộc thửa 1074, mục đích sử dụng đất: ONT; Thửa 1073, mục đích sử dụng đất: LUC, cùng tờ bản đồ số 02 (Bản đồ 299), địa chỉ hai thửa đất tại: ấp H, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp do bà Nguyễn Thị Ngọc C đứng tên người sử dụng đất.

Tại tờ tường trình ngày 28/5/2013; Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn Nguyễn Thị N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn L, Nguyễn Thị Bé H trình bày: hộ của các ông bà không có mượn đất của bà C để làm lối đi diện tích là 64m² như bà C trình bày trên. Do đó, nay các ông bà không đồng ý trả lại diện tích đất này cho bà C. Còn đối với ranh giới quyền sử dụng đất giữa hai bên thì các ông bà cũng xác định hộ của các ông bà cũng không có lấn ranh đối với bà C, đồng thời yêu cầu xác định ranh đất giữa hai bên là đường nối từ mốc M5 (tại cây cao do Nguyễn Thị N trồng) đến mốc M11 (đối diện với cây sao mốc M10) theo Sơ đồ tranh chấp đất, số: 31/TĐBĐ đo vẽ ngày 06/4/2016 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Ông Nguyễn Văn T cũng là người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn L, Nguyễn Tấn Đ, Nguyễn Thị H, Nguyễn Ngọc Q, Nguyễn Thị Huỳnh H1, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị Cà T1, Nguyễn Thị Huyền T2, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn Đ1, Trần Ánh H2, Nguyễn Thị G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như để tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, không có lý do.

Đối với Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

* Tại quyết định bản án sơ thẩm số 36/2017/DS-ST, ngày 11/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện L đã tuyên xử:

1. Buộc Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị Bé H, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn Được, Trần Ánh H2, Nguyễn Thị G liên đới trả cho Nguyễn Thị Ngọc C, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn L,

Nguyễn Tấn Đ, Nguyễn Thị H, Nguyễn Ngọc Q, Nguyễn Thị Huỳnh H1, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị Cà T1, Nguyễn Thị Huyền T2 giá trị 64m² đất là 10.880.000 đồng và giá trị cây trồng là 1.810.000 đồng. Cộng chung là 12.690.000 đồng (Mười hai triệu, sáu trăm chín mươi nghìn đồng).

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Nguyễn Thị Ngọc C, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn L, Nguyễn Tấn Đ, Nguyễn Thị H, Nguyễn Ngọc Q, Nguyễn Thị Huỳnh H1, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị Cà T1, Nguyễn Thị Huyền T2 mà Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị Bé H, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn Đ, Trần Ánh H2, Nguyễn Thị G chậm trả 12.690.000 đồng thì hàng tháng Buộc Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị Bé H, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn Được, Trần Ánh H2, Nguyễn Thị G còn phải liên đới trả cho Nguyễn Thị Ngọc C, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn L, Nguyễn Tấn Đ, Nguyễn Thị H, Nguyễn Ngọc Q, Nguyễn Thị Huỳnh H1, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị Cà T1, Nguyễn Thị Huyền T2 thêm phần lãi, theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm trả nợ cho đến khi trả xong.

3. Công nhận cho hộ bà Nguyễn Thị N được quyền sử dụng lối đi 64m² (Sáu mươi bốn mét vuông) đất và được quyền sở hữu: Cây me nước hoành 150 cm, cây dừa, hai cây sao hoành 110 cm - 130 cm, cây sao nhỏ (Trong phạm vi các mốc M1, M2, M11, M10, M9 về mốc M1 theo Sơ đồ tranh chấp đất, số: 31/TĐBĐ đo vẽ ngày 06/4/2016 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện L, tỉnh Đồng Tháp), mục đích sử dụng đất: ONT, tờ bản đồ số 02 (Bản đồ 299), địa chỉ tại: ấp H, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

4. Công nhận cho Nguyễn Thị Ngọc C, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn L, Nguyễn Tấn Đ, Nguyễn Thị H, Nguyễn Ngọc Q, Nguyễn Thị Huỳnh H1, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị Cà T1, Nguyễn Thị Huyền T2 được quyền sử dụng 16,5 m² (Mười sáu phết năm mét vuông) đất (Trong phạm vi các mốc M11, M5, M6, M10 về mốc M11 theo Sơ đồ tranh chấp đất, số: 31/TĐBĐ đo vẽ ngày 06/4/2016 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện L, tỉnh Đồng Tháp) thuộc thửa 1074, mục đích sử dụng đất: ONT, thửa 1073, mục đích sử dụng đất: LUC, cùng tờ bản đồ số 02 (Bản đồ 299), địa chỉ hai thửa đất tại: ấp H, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp do bà Nguyễn Thị Ngọc C đứng tên người sử dụng đất.

5. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cùng thống nhất xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa 1074, mục đích sử dụng đất: ONT, thửa 1073, mục đích sử dụng đất: LUC do bà Nguyễn Thị Ngọc C đứng tên người sử dụng đất với thửa 871, mục đích sử dụng đất: ONT, thửa 872, mục đích sử dụng đất: CDK do hộ bà Nguyễn Thị N đứng tên người sử dụng đất, bốn thửa đất cùng tờ bản đồ số 02 (Bản đồ 299), cùng địa chỉ tại: ấp H, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp là đường nối liền từ mốc M5 đến mốc M11 theo Sơ đồ tranh chấp đất, số: 31/TĐBĐ đo vẽ ngày 06/4/2016 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

6. Ranh giới quyền sử dụng đất được xác định theo chiều thẳng đứng từ không gian xuống lòng đất và sau khi xác định ranh giới đất như trên, nếu cây trồng hoặc vật kiến trúc của người này nằm trên phần đất của người kia thì phải tháo dỡ, di dời.

(Khi bản án có hiệu lực pháp luật các đương sự được quyền đến các cơ quan có thẩm quyền kê khai, đăng ký, điều chỉnh diện tích quyền sử dụng đất trong thửa 1074, mục đích sử dụng đất: ONT, thửa 1073, mục đích sử dụng đất: LUC do bà Nguyễn Thị Ngọc C đứng tên người sử dụng đất với thửa 871, mục đích sử dụng đất: ONT, thửa 872, mục đích sử dụng đất: CDK do hộ bà Nguyễn Thị N đứng tên người sử dụng đất, bốn thửa đất cùng tờ bản đồ số 02 (Bản đồ 299), cùng địa chỉ tại: ấp H, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp có Sơ đồ tranh chấp đất, số: 31/TĐBĐ đo vẽ ngày 06/4/2016 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện L, tỉnh Đồng Tháp kèm theo bản án này).

7. Án phí, tạm ứng án phí và chi phí tố tụng:

7.1. Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị Bé H, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn Đ, Trần Ánh H2, Nguyễn Thị G phải liên đới chịu 634.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm, về lối đi và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, về ranh giới quyền sử dụng đất. Cộng chung là 934.500 đồng (Chín trăm ba mươi bốn nghìn, năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm (Hộ bà Nguyễn Thị N chưa nộp).

7.2. Hoàn trả lại cho Nguyễn Thị Ngọc C 645.000 đồng (Sáu trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo hai biên lai số: 009846, ngày 08/5/2013 và số: 12704, ngày 31/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

7.3. Buộc Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị Bé H, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn Đ, Trần Ánh H2, Nguyễn Thị G liên đới hoàn trả cho Nguyễn Thị Ngọc C 3.586.000 đồng (Ba triệu, năm trăm tám mươi sáu nghìn đồng) về chi phí tố tụng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên quyền và thời hạn kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/10/2017, bà Nguyễn Thị Ngọc C kháng cáo với nội dung: Bà không thống nhất với việc Tòa án xét xử giao cho hộ bà Nguyễn Thị N sử dụng 64m² đất lối đi, cũng không thống nhất việc bồi thường giá trị cây trồng có trên đất. Chỉ đồng ý cho bà N sử dụng lối đi ngang 1,2m, dài 21,5m (diện tích 25,8 m²), cây trồng bà yêu cầu được sử dụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến: xét yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ngọc C chỉ đồng ý cho bà Nguyễn Thị N lối đi có chiều ngang 1,2m, chiều dài 21,5m (diện tích 25,8m²) và yêu cầu được sử dụng các cây trồng trên đất là không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm; sau khi nghe ý kiến của các đương sự và quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Nguyễn Thị Ngọc C kháng cáo không đồng ý cho bà Nguyễn Thị N diện tích đất làm lối đi là 64m² trong phạm vi các mốc M1, M2, M11, M10, M9 về mốc M1 theo sơ đồ tranh chấp đất số 31/TĐBĐ đo vẽ ngày 06/4/2016 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện L mà chỉ đồng ý cho bà N sử dụng lối đi chiều ngang chỉ là 1,2m, chiều dài 21,5m (diện tích 25,8m²) và yêu cầu được tiếp tục sử dụng các cây trồng trên diện tích đất này, không đồng ý cho bà N được sở hữu các cây và trả giá trị cho bà, Hội đồng xét xử xét thấy: bà C cũng thừa nhận ngoài lối đi đang tranh chấp ra thì từ hai thửa 871 và 872 của hộ bà N không có lối đi nào khác thuận lợi, ngắn và hợp lý hơn để đi ra đường bê-tông xuống Rạch Á Lài. Hơn nữa từ trước đến nay hộ bà Nguyễn Thị N sử dụng lối đi này ổn định, liên tục với thời gian dài, để đảm bảo không gây bất ổn cho các bên sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử công nhận cho hộ bà N được tiếp tục sử dụng lối đi này là có căn cứ.

Đối với kích thước và diện tích của lối đi, thì Hội đồng xét xử xét thấy: chiều ngang lối đi theo yêu cầu của bà C chỉ là 1,2m là không đáp ứng và phù hợp với nhu cầu đi lại, sinh hoạt của hộ bà N theo điều kiện chung của xã hội. Mặt khác, căn cứ hiện trạng phần lối đi tại đầu giáp với phần đất của bà N thì lối đi cũng đã được hình thành và tồn tại lâu đời, và nếu thay đổi theo hướng giảm chiều ngang, dời lối đi vào vị trí sát ranh với đất của bà Q thì phải đốn bỏ, di dời các cây trồng đã lâu đời và có giá trị sử dụng thì như vậy sẽ gây khó khăn và thiệt hại chung về mặt tài sản của các bên đương sự, trong khi diện tích đất nào được công nhận cho bà N làm lối đi thì cũng phải trả giá trị cho bà C kể cả cây trồng, nên Tòa án cấp sơ thẩm đã giữ nguyên vị trí lối đi, trong đó chiều ngang lối đi đầu trong giáp với đất bà N theo hiện trạng thì chiều ngang là 7,12m (từ M2 đến M11) là phù hợp, nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của bà C.

Đối với kháng cáo của bà C về việc yêu cầu được tiếp tục sử dụng các cây trồng của bà trên diện tích đất giao cho bà N làm lối đi nói trên, thì Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu này là không có căn cứ, bởi lẽ: do xét xử công nhận cho bà N được sử dụng diện tích đất này làm lối đi thì bà N được toàn quyền của người có quyền sử dụng đất; bà N cũng đã trả giá trị đất cho bà C thì không thể đồng thời việc bà C còn quyền sử dụng phần đất này cùng với bà N, tức quyền sở hữu và sử dụng các cây trồng trên đất, như vậy là không phù hợp. Nên Hội đồng xét xử cũng không chấp nhận yêu cầu này của bà C.

[2] Ngoài ra, Hội đồng xét xử xét thấy: tại phiên tòa phúc thẩm, bà N ý kiến là đồng ý tự bà có nghĩa vụ trả giá trị lối đi và cây trồng cho hộ bà C cũng như các chi phí tố tụng trong vụ án; còn về phần đất thì bà thống nhất công nhận cho hộ của bà; bà C cũng đồng ý ý kiến của bà N. Ngoài ra, phần quyết định của bản án sơ thẩm đã tuyên về phần ranh giới quyền sử dụng đất với nội dung công nhận diện tích đất tranh chấp ranh giới cho phía nguyên đơn là chưa phù hợp. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận và sửa cách tuyên án đối với hai nội dung trên.

[3] Đối với người giáp ranh với phần lối đi là bà Trần Ngọc Q thì bà N thống nhất nếu sau này bà Q trở về và có tranh chấp thì bà đồng ý thỏa thuận với bà Q, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật; về nội

dung đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm. Xét lời đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm, Hội đồng xét xử xét thấy: bà N sinh năm 1950 nên thuộc đối tượng được miễn toàn bộ án phí sơ thẩm, đồng thời tại phiên tòa phúc thẩm, bà N có yêu cầu được miễn toàn bộ án phí, vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận, miễn toàn bộ án phí sơ thẩm cho bà N.

[6] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1, Điều 148 và khoản 1, Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 166, 175, 254, khoản 4 Điều 466 của Bộ luật dân sự. Khoản 5, khoản 7, Điều 166 của Luật Đất đai;

Nghị quyết 326/2016/UBTUQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội 14 về án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

- Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ngọc C.
- Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 36/2017/DS-ST, ngày 11/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện L.

1. Buộc bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ trả cho Nguyễn Thị Ngọc C, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn L, Nguyễn Tấn Đ, Nguyễn Thị H, Nguyễn Ngọc Q, Nguyễn Thị Huỳnh H1, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị Cà T1, Nguyễn Thị Huyền T2 giá trị của 64m² đất bằng 10.880.000đ và giá trị cây trồng 1.810.000đ, tổng cộng là 12.690.000 đồng (Mười hai triệu, sáu trăm chín mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi đối với số tiền chưa thi hành, theo lãi suất bằng 50% mức lãi suất quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Công nhận cho Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị Bé H, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn Đ, Trần Ánh H2, Nguyễn Thị G được quyền sử dụng lối đi 64m² (Sáu mươi bốn mét vuông) đất và được quyền

sở hữu: 01 cây Me Nước, 01 cây Dừa, 02 cây Sao (hoành 110cm và 130cm), cây Sao nhỏ (Trong phạm vi các mốc M1, M2, M11, M10, M9 về mốc M1 theo Sơ đồ tranh chấp đất, số: 31/TĐBĐ đo vẽ ngày 06/4/2016 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L, tỉnh Đồng Tháp), mục đích sử dụng đất: ONT, tờ bản đồ số 02 (Bản đồ 299), đất tọa lạc tại: ấp H, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

3. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc xác định ranh giới quyền sử dụng đất.

Ranh giới quyền sử dụng đất giữa đất của bà Nguyễn Thị Ngọc C, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn L, Nguyễn Tấn Đ, Nguyễn Thị H, Nguyễn Ngọc Q, Nguyễn Thị Huỳnh H1, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị Cà T1, Nguyễn Thị Huyền T2 (thuộc thửa 1074 và thửa 1073, tờ bản đồ số 2, do bà Nguyễn Thị Ngọc C đứng tên quyền sử dụng) với đất của Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị Bé H, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn Đ, Trần Ánh H2, Nguyễn Thị G (thuộc thửa 871 và thửa 872, tờ bản đồ số 2, do hộ bà Nguyễn Thị N đứng tên quyền sử dụng) là đoạn thẳng nối từ mốc M5 đến mốc M11 theo Sơ đồ tranh chấp đất số: 31/TĐBĐ đo vẽ ngày 06/4/2016 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Ranh giới quyền sử dụng đất được xác định theo chiều thẳng đứng từ không gian xuống lòng đất và sau khi xác định ranh giới đất như trên, nếu cây trồng hoặc vật kiến trúc của người này nằm trên phần đất của người kia thì phải tháo dỡ, di dời.

4. Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện L thu hồi một phần diện tích đất 64m² (lô đi) trong thửa 1074, tờ bản đồ số 2, mục đích sử dụng đất ONT, do bà Nguyễn Thị Ngọc C đứng tên người sử dụng đất, để cấp lại cho hộ bà Nguyễn Thị N.

5. Hộ bà Nguyễn Thị N được quyền đến các cơ quan có thẩm quyền để kê khai, đăng ký đối với diện tích đất 64m² (lô đi) được công nhận quyền sử dụng như trên.

6. Án phí, tạm ứng án phí và chi phí tố tụng:

6.1. Bà Nguyễn Thị N được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

6.2. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Ngọc C 645.000 đồng (Sáu trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo hai biên lai số 009846, ngày

08/5/2013 và số 12704, ngày 31/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

6.3. Buộc bà Nguyễn Thị N phải trả lại cho bà Nguyễn Thị Ngọc C 3.586.000 đồng (Ba triệu, năm trăm tám mươi sáu nghìn đồng) về chi phí tố tụng.

8/. Về án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Ngọc C phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà bà đã nộp theo biên lai số 00940 ngày 10/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp quyết định, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng GD & KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy